

Bản án số: 1264/2025/DS-ST

Ngày 29 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phương Lan

Ông Võ Thành Viên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh- thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1517/2024/DSST ngày 27 tháng 12 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2256/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2926/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim C; sinh ngày 22/8/1962; CCCD số: 092162002232 do Cục cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/4/2023; Địa chỉ: Số A A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thụy Thùy T; sinh năm 1997 CCCD số 068197003888 (văn bản uỷ quyền ngày 09/11/2024).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng Q; sinh năm 21/11/1975; CCCD số 048075000278 do Cục cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/4/2023; Địa chỉ: 7 đường số I, phường A- Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H theo số 16336/LS ngày 16/10/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Huỳnh Kim C và ông Nguyễn Hồng Q có mối quan hệ quen biết làm ăn chung từ trước nên từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 8 năm 2023, ông Nguyễn Hồng Q đã nhiều lần hỏi mượn tiền của bà C không ký giấy tờ vay mượn, tổng cộng mượn 05 lần với tổng số tiền là 1.262.800.000đ đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng). Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 24/12/2022, bà C cho ông Q mượn 400.000.000 đồng, số tiền mượn trên được chuyển từ tài khoản cá nhân bà C đến tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Hồng Q tại Ngân hàng T4, số tài khoản 19020464224019, (sao kê của Ngân hàng V1 - Chi nhánh T5). Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 31/12/2022, tại STT 100, số chứng từ 5277.77777, ghi nhận nội dung chuyển tiền: "*Co Chi Hương X tạm ứng tiền công Cai Tac*" (*Cô Chi Hương X tạm ứng tiền công Cái T2*). Tuy nhiên, thực chất đây là số tiền bà C cho ông Q mượn chứ không liên quan gì đến hợp đồng dịch vụ Cái Tắc. Ông Q yêu cầu bà C ghi nội dung chuyển khoản "*Co Chi Hương Xua tạm ứng tiền công Cai Tac*" để hợp thức hóa hồ sơ.

Lần 2: Ngày 30/12/2022, bà C cho ông Q mượn 312.800.000 đồng, số tiền mượn trên được chuyển từ tài khoản cá nhân bà C đến tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Hồng Q tại Ngân hàng T4, số tài khoản 19020464224019, với nội dung: "*Co C chuyển tiền cho muon lan 2*" (*Cô C chuyển tiền cho mượn lần 2*); căn cứ sao kê của Ngân hàng V1 - Chi nhánh T5 từ ngày 01/07/2022 đến ngày 31/12/2022, tại STT 101, số chứng từ 5277.64927".

Lần 3: Ngày 21/01/2023, bà C cho ông Q mượn 100.000.000 đồng, số tiền mượn trên được chuyển từ tài khoản cá nhân bà C đến tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Hồng Q tại Ngân hàng T4, số tài khoản 19020464224019, với nội dung: "*Co CHI chuyển tiền cho muon lan 3*" (*Cô C chuyển tiền cho mượn lần 3*); Căn cứ Giấy báo nợ của Ngân hàng V2 - Chi nhánh T5, số tham chiếu 820S2310ZD8FCVWF.

Lần 4: Ngày 17/02/2023, bà C cho ông Q mượn 300.000.000 đồng, số tiền mượn trên được chuyển từ tài khoản cá nhân bà C đến tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Hồng Q tại Ngân hàng T4, số tài khoản 19020464224019, với nội dung: "*Co C chuyển tiền cho muon*" (*Cô C chuyển tiền cho mượn*); căn cứ sao kê của Ngân hàng V1 - Chi nhánh T5 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023, tại STT 21, số chứng từ 5276.20118.

Lần 5: Ngày 07/8/2023, bà C tiếp tục cho ông Q mượn 150.000.000 đồng, số tiền mượn trên được chuyển từ tài khoản cá nhân bà C đến tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Hồng Q tại Ngân hàng T4, số tài khoản 19020464224019, với nội dung: "*Co CHI chuyển tiền cho muon*" (*Cô C chuyển tiền cho mượn*); căn cứ Giấy báo nợ của Ngân hàng V2 - Chi nhánh T5, số tham chiếu 820K2380AAX78CQR. Như vậy, tổng

cộng số tiền ông Q vay mượn bà C là 1.262.800.000 đồng. Sau đó, bà C liên hệ với ông Q để yêu cầu trả tiền nhưng ông Q khất lần và cố tình né tránh. Ngày 31/10/2023, bà C yêu cầu ông Q viết giấy xác nhận mượn tiền có nội dung ngày 20/12/2023 trả tiền, nhưng giấy xác nhận mượn tiền ông Q xác nhận mượn 04 lần tổng số tiền là 1.112.800.000 đồng (không xác nhận lần mượn thứ 5 ngày 07/8/2023, cố tình ghi sai lý do mượn tiền). Bà C xác nhận cho ông Q vay tiền không hề liên quan hoặc ký kết bất kỳ hợp đồng kinh tế nào, ông Q vay tư cách cá nhân và đã nhận đủ số tiền là 1.262.800.000 đồng.

Ngoài số tiền vay mượn trên, ngày 28/11/2022 ông Nguyễn Hồng Q còn ký hợp đồng dịch vụ với bà Huỳnh Kim C, thực hiện công việc “Lập thủ tục hoàn thành cập nhật biến động thay đổi chủ sở hữu khu đất tại thửa 46, tờ bản đồ số 01 tại Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chi phí là 300.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng bà C đã ứng trước số tiền là 180.000.000 đồng. Tuy nhiên hơn 01 năm kể từ ngày hết thời hạn hợp đồng ông Q không thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận, cố tình trì hoãn kéo dài thời gian đàm phán thanh lý hợp đồng và trả tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu rút một phần tranh chấp đối với hợp đồng dịch vụ để giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên Toà đại diện nguyên đơn yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, buộc ông Nguyễn Hồng Q phải trả cho bà Huỳnh Kim C số tiền vay gốc là 1.262.800.000 đồng, bà C rút yêu cầu đối với tiền lãi trên số tiền nợ gốc, yêu cầu ông Q trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Q vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai, của ông Q và không tiến hành hòa giải, đối chất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng và nội dung vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại A - Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Kết quả xác minh về nơi cư trú của bị đơn là ông Nguyễn Hồng Q hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 7 đường số I, khu phố A, phường A, quận G (phường A-Thành phố Hồ Chí Minh), thực tế ông Q còn cư trú tại địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với ông Q đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối chất và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hồng Q vắng mặt. Theo qui định khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thì được xem như ông Q không thiện chí hoà giải. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét thấy, ông Nguyễn Hồng Q có vay tiền của bà Huỳnh Kim C nhiều lần như sau: Tại Ngân hàng T4, ông Nguyễn Hồng Q có đăng ký tài khoản số 9020464224019, chứng từ giao dịch số 5277.7777 ngày 24/12/2022 bà C chuyển khoản số tiền là 400.000.000 đồng; số chứng từ giao dịch 5277.64927 ngày 30/12/2022 bà C chuyển khoản số tiền là 312.800.000 đồng; số chứng từ tham chiếu 820S2310ZD8FCVWF ngày 21/01/2023, bà C chuyển khoản số tiền là 100.000.000 đồng; số chứng từ giao dịch 5276.20118 ngày 17/02/2023, bà C chuyển khoản số tiền là 300.000.000 đồng; số chứng từ tham chiếu 820K2380AAX78CQR, bà C chuyển khoản 150.000.000 đồng. Ngày 31/10/2023 ông Nguyễn Hồng Q ký tên trên biên bản xác nhận nợ như sau: Ngày 24/12/2022 vay số tiền là 400.000.000 đồng; ngày 30/12/2022 vay số tiền là 312.800.00 đồng; ngày 21/01/2023 vay số tiền là 100.000.000 đồng; ngày 17/02/2023 vay số tiền là 300.000.000 đồng. Như vậy ông Nguyễn Hồng Q thừa nhận có vay của bà Huỳnh Kim C số tiền là 1.112.800.000 đồng. Ngày 07/8/2023, bà Huỳnh Kim C chuyển khoản cho ông Q vay số tiền là 150.000.000đồng, mã tham chiếu số 820K2380AAX78CQR, có số tài khoản 9020464224019 do ông Nguyễn Hồng Q là chủ tài khoản đăng ký tại Ngân hàng K (T6). Như vậy ông Nguyễn Hồng Q đã vay, mượn, bà Huỳnh Kim C tổng số tiền là 1.262.800.000 đồng, nhưng đến nay ông Q không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 qui định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác”. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q không cung cấp, chứng cứ, chứng minh hoặc phản hồi ý kiến bằng văn bản trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó bà Huỳnh Kim C yêu cầu ông Nguyễn Hồng Q có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 1.262.800.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét thấy nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” và “Lãi phát sinh trên số tiền nợ vay”. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 01/01/2017; Bị đơn phải chịu án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim C;

Buộc ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho bà Huỳnh Kim C là 1.262.800.000 đồng (*một tỉ, hai trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng*). Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Đình chỉ yêu cầu về lãi trên số tiền nợ đối với hợp đồng vay tài sản.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Hồng Q phải chịu án phí sơ thẩm là 49.884.000 đồng nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí lệ phí của Tòa án.

Bà Huỳnh Thị Kim C; sinh năm 1962; được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự Tòa án theo qui định.

Bản án thi hành ngay khi có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án mà người thi hành án không thi hành, thì bên thi hành án có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền

được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND KV7-TPHCM
- CCTHADS KV7-TPHCM
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang

